

CHÍNH SÁCH VIÊN DUNG TAM GIÁO CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN Ở ĐÀNG TRONG (THẾ KỶ XVII - XVIII)

Tóm tắt: Tam giáo (Nho - Phật - Đạo) đồng hành với công cuộc mở cõi phương Nam của lưu dân Việt và ảnh hưởng đến hầu như mọi mặt đời sống xã hội Đàng Trong (thế kỷ XVII - XVIII). Đường lối tiếp biến Tam giáo của chính quyền Đàng Trong được thực thi qua từng đối sách cụ thể trên tinh thần hòa đồng, viên dung. Song song với việc khuyến khích phát triển Nho giáo, các chúa Nguyễn xiển dương Phật giáo và sùng mộ Đạo giáo. Viên dung Tam giáo đã tạo dựng nền văn hóa phương Nam với nhiều đặc trưng phong phú.

Từ khóa: Viên dung, tam giáo, chúa Nguyễn.

1. Bức tranh văn hóa Đàng Trong (thế kỷ XVII - XVIII)

Cho tới thế kỷ XVI, vùng Đàng Trong “vẫn là những trung tâm văn hóa có quá khứ huy hoàng”¹. Văn hóa Ấn Độ vốn thâm sâu trong đời sống tinh thần của cư dân bản địa trên vùng đất phía nam Linh Giang. Trên bước đường Nam tiến, một chính sách giải quyết vấn đề di động xã hội và tiếp biến văn hóa đã được các chúa Nguyễn áp dụng: “Đầu bản triều ta (tức Nguyễn Hoàng), khi đánh lấy được Chiêm Thành, phái lính Kinh đến đồn thú đất ấy, gián hoặc có người ở lại, không về, sau lấy vợ Chiêm Thành, sinh con cháu, đều gọi là dân Kinh cựu”². Trong bối cảnh đó, văn hóa Việt được du nhập mạnh mẽ vào Đàng Trong đồng hành với lưu dân trong công cuộc khai phá đất phương Nam. Xuất thân từ Đàng Ngoài, “vốn tôn sùng nhất là Nho giáo, thứ đến là Phật giáo, cuối cùng là Lão giáo”³, người Việt coi Tam giáo là nét văn hóa tâm linh truyền thống. Quá trình cộng cư, lưu dân Việt đã cố gắng thâm nhập văn hóa bản địa để phát triển. *Đại Nam Nhất Thống*

* Đại học Văn hóa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày gửi bài: 30/6/2017; Ngày biên tập: 17/7/2017; Ngày duyệt đăng: 28/7/2017.

Chí phản ánh về bức tranh văn hóa - xã hội vùng Bình Thuận - Ninh Thuận thời các chúa Nguyễn như sau: “Người Kinh người Thổ ở lẫn... đàn ông mặc quần áo người Kinh, đàn bà mặc quần áo người Thổ, tang hôn tế tự đều đại khái giống tục người Kinh. Tương truyền là người Kinh Thuận Hóa đến đây, lấy vợ người Thổ, lâu ngày sinh nở thành đông, cho nên dân đã đồng hóa”⁴. Sự tiếp biến văn hóa đã diễn ra khá mạnh mẽ trên vùng đất phía nam sông Gianh. Tục cúng Cá Ông, các lễ hội miền biển và hệ thống miếu Bà Giàng, Bà Lôi, Bà Thu Bồn, Thiên Y A Na, Thiên Mụ, Bà Om,... được hình thành và tồn tại cho đến ngày nay là những biểu hiện cụ thể nói lên sự tiếp biến, “Việt hóa” các yếu tố bản địa để tồn tại và phát triển của người Việt. Văn hóa Việt từng bước bám rễ trên vùng đất mới phương Nam.

Bên cạnh đó, ở Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII, văn hóa Trung Hoa, Nhật Bản và Phương Tây cũng tràn sang mạnh mẽ. Tình hình vùng Gia Định được phản ánh trong *Gia Định Thành Thông Chí* phần nào giúp hình dung ra bức tranh đời sống văn hóa Đàng Trong: “lưu dân người ta cùng người Đường (Trung Quốc), người Tây Dương, người Cao Miên, người Đồ Bà (Indonessia) đến kiêu ngạo đông chung lộn, mà y phục khí dụng đều đều theo tục từng nước”⁵. Các sử quan triều Nguyễn cũng xác nhận: “thuyền buôn của người Thanh và các nước Tây Dương, Nhật Bản, Chà Và đi lại tấp nập, do đó mà phong hóa Hán thấm dần vào đất Đông Phố”⁶. Những dòng văn hóa mới là thách thức đối với các chúa Nguyễn trước nguy cơ vong bản, song đồng thời là cơ hội cho sự giao thoa, hội nhập tạo, thêm sức sống cho văn hóa Đàng Trong. Trong hoàn cảnh đó, người dân Đàng Trong đã giải quyết vấn đề bằng sự thâm nhập tất cả những giá trị văn hóa bản địa trên tinh thần hỗn dung một cách thân và tự nhiên. G. Condominas nhận định: “Sự mở rộng lãnh thổ về phía Nam theo chiều dài của Việt Nam đã làm cho tôn giáo ở đây thêm đa dạng. Trước hết là những người Chăm sống trên một dải đồng bằng duyên hải nhỏ bé với tín ngưỡng tôn giáo Bàlamôn giáo và Hồi giáo; sau đó là các tín đồ Khmer theo Phật giáo Theravada ở Đồng bằng sông Mekong. Ba tôn giáo này cùng với những yếu tố của nền văn hóa Đông Dương thời sơ khai kết hợp với nhau tạo thành một thuyết hỗn dung chồng lên nhau một cách sâu sắc có lẽ là hơn Tam giáo của người Việt Nam”⁷. Có thể

nói, Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII là điểm tụ hội và giao thoa văn hóa - xã hội mạnh mẽ. Nhiều tôn giáo khác nhau như Nho giáo, Phật giáo Bắc truyền, Đạo giáo, Công giáo lan tỏa khắp nơi theo bước chân người Việt trong khi các tôn giáo, hệ tư tưởng được coi là truyền thống như Bàlamôn - Ấn Độ giáo, Phật giáo Nguyên thủy, Islam giáo, tín ngưỡng dân gian vẫn tồn tại và biến đổi. Thực tế đã diễn ra cuộc “va chạm” giữa các nền văn minh trên lãnh thổ Đàng Trong. Đa dân tộc, đa tôn giáo trở thành nét đặc trưng của văn hóa Đàng Trong. Ở đây nảy sinh một nhu cầu thống nhất trong sự tiếp biến lẫn nhau giữa các luồng văn hóa. Trên tiến trình giao thoa ấy, văn hóa Việt dần trở thành dòng chủ lưu. Tính đa dạng và phức tạp của văn hóa sẽ chi phối đến chính sách Thiên Chúa giáo của các chúa Nguyễn. Với những chính sách cụ thể, các chúa Nguyễn sẽ tạo ra bức họa tôn giáo mới cho Đàng Trong.

2. Chính sách viên dung Tam giáo của chính quyền Đàng Trong

Nhìn vào lịch sử dân tộc, nhiều triều đại quân chủ ở Việt Nam đã dựa vào Tam giáo để xây dựng chế độ và phát triển quốc gia. Tùy theo sự ưa thích của vị quân chủ cụ thể mà một trong ba tôn giáo sẽ được ưu tiên hơn. Chẳng hạn, thời Lý - Trần, Phật giáo có phần nổi trội, tuy nhiên các vua Lý vẫn dựng Văn Miếu thờ Khổng Tử và tổ chức thi Tam giáo. Nho giáo Việt Nam không như Nho giáo ở Trung Quốc (luôn luôn ở vào địa vị thống trị và ảnh hưởng của nó rất sâu rộng. Thời Lê Sơ được coi là giai đoạn tôn Nho điển hình nhưng vua Lê Thánh Tông vẫn cho xây chùa và gặp tiên trong giấc mộng. Trong đời sống văn hóa xã hội, người Việt Nam đã tiếp thu cùng lúc cả ba tôn giáo này nhưng được tiếp nhận từ lập trường và quan điểm khác nhau. Nếu là nhà Nho thì giải thích các hiện tượng, sự vật đó trên cơ sở Nho giáo, là Phật tử sẽ giải thích hiện tượng đó trên cơ sở Phật giáo, còn Đạo sĩ sẽ vận dụng trên cơ sở đạo pháp của Lão - Trang. Mức độ thiên về Nho, Phật hay Lão có khác nhau, nhưng nhìn chung ảnh hưởng của nó có tính chất hỗn dung. Sau nhiều thế kỷ tiếp biến, “Việt hóa”, giữa Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo đã có sự hòa hợp nhuần nhuyễn: “Về phải trái, hay dở, lợi và hại trong cuộc sống trần gian thì chủ yếu dựa theo lễ giáo và đạo lý nhà Nho nhằm giữ vững quyền thống trị của thế

lực phong kiến; về phúc họa, đức và tội ở nơi thiên cung, miền cực lạc, hoặc ở chốn địa ngục, cõi âm ti, cũng như về báo ân, báo oán từ kiếp này đến kiếp khác hoặc đối với con cháu đời đời thì lại dựa vào giáo lý và phép tắc của đạo Phật, đạo Lão nhiều hơn”⁸.

Mặt khác, “Tam giáo đồng nguyên” là xu thế vận động các luồng tư tưởng tôn giáo ở thời đại chúa Nguyễn. Từ thế kỷ XVI, khi Nho giáo đi vào suy thoái, lịch sử tư tưởng Việt Nam đã ghi nhận một xu hướng các nhà Nho tìm đến Phật và Đạo. Nhà nghiên cứu Nguyễn Quốc Tuấn nhận định: “mô hình quân chủ tương hợp từ thế kỷ 15 cho đến 19 chỉ là sự đảo ngôi giữa Tam giáo theo trật tự Khổng - Phật - Lão”⁹. Xu thế hội nhập Tam giáo giai đoạn này diễn ra khá mạnh mẽ. Các vua chúa Đàng Ngoài cũng như Đàng Trong đều dựng nhiều chùa thờ Phật, xây đền thờ Lão, dựng Văn Miếu tôn vinh Khổng học. Bên cạnh đó, tầng lớp trí thức cũng tìm đến Tam giáo để thỏa mãn tinh thần. Ở Đàng Ngoài, Nguyễn Bình Khiêm viết “Tam giáo tượng bi minh” (bia chùa Cáo Dương, huyện Thụy Anh, Thái Bình) chỉ ra điểm gặp nhau của Tam giáo: “Đại loại Phật làm sáng sắc - tâm, phân biệt rõ nhân quả; Đạo Lão chú trọng vào khí đến nhu, nắm cái lý duy nhất giữa bản chất chân thực; Đạo của Khổng Tử gốc ở đạo đức nhân nghĩa, văn hạnh trung tín”¹⁰. Lê Quý Đôn cũng muốn kéo Tam giáo lại với nhau: “Phật có 3 điều răn: “tham, sân và si”. Lại nói, “dâm dục, tàn sát và trộm cắp”. Đó không phải riêng giới của nhà Phật, mà cũng là lời răn của đức Khổng phu tử ta... Luận Kim Cương nói: “Ai hay kính thuận cha mẹ, thì gọi là người con con trai hay con gái hiếu thuận”. Đó chẳng phải là đạo hiếu đó sao? Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nếu chúng sinh biết yêu quý sửa sang đất nước, phán đoán công việc làng xóm thì ở trước mặt người đó, ta sẽ hiện ra thân phận một quan tể... Đây chẳng phải ý nghĩa tề gia, trị quốc là gì?”¹¹. Trên vùng Đàng Trong, tinh thần Tam giáo đồng nguyên trong dân gian khá phát triển. Trần Đình Ân từng làm *Tham chính chánh đoán sự* trong chính quyền Nguyễn Phúc Chu, đến 78 tuổi ông từ quan về quê, vào chùa Bình Trung niệm Phật, tu Tiên. Mạc Thiên Tứ lúc sinh ra được cho là “đã có điềm lành Kim thân Phật tượng xuất hiện ở sông Trũng Kè báo hiệu là bậc Bồ Tát giáng trần”¹². Nguyễn Hữu Dật thông thuộc Nho học đồng thời tín mộ Phật giáo, khi chết được nhân dân Quảng Bình

tôn hiệu là “Phật Bồ Tát”. Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh khẳng định: “Theo sự phát triển của Nho giáo ở Đàng Trong, thiết chế văn hóa - tư tưởng kiểu “Nho - Thích song hành” sẽ từng bước mất đi ở Thuận - Quảng vào nửa thế kỷ XVIII. Nhưng ở Nam Bộ thì tuy các chuẩn mực lối sống của Phật giáo đã dần dần không còn đáp ứng được các nhu cầu quản lý xã hội nữa, song tính hội tụ trong văn hóa của vùng này lại tạo điều kiện thuận lợi cho sự duy trì truyền thống Tam giáo hòa đồng”¹³. Có thể nhận ra điều triết lý sống dung hợp của Tam giáo của người Đàng Trong ở một số cơ sở thờ tự như chùa Diệu Giác (chùa này có sự hiện diện của nhiều thiền sư của nhiều dòng thiền khác nhau, gồm Phật giáo Trúc Lâm ở giai đoạn khai thủy, Thiền phái Liễu Quán dòng Lâm Tế ở giai đoạn khởi phát, Thiền phái Lâm Tế giai đoạn cuối thế kỷ XVIII), chùa Thiên Mục, chùa Hộ Quốc,.... Thực tế, đa số các sư tăng đến Đàng Trong hoằng pháp đều am tường Nho và Đạo. Thiền sư nhưng có khi lại biểu hiện mình là Đạo sĩ hoặc Nho sĩ. Người dân chỉ biết họ là hòa thượng, sĩ phu hay chân nhân qua hành vi hướng vào đối tượng thờ phụng và qua những sự kiện cụ thể nhưng nhìn chung hoạt động tín ngưỡng của họ thể hiện sự hòa nhập nhuần nhuyễn Tam giáo.

Xuất phát từ thực tiễn Đàng Trong, các chúa Nguyễn đã lựa chọn một phương cách cho thấy sự tiếp nối truyền thống hỗn dung Tam giáo của dân tộc, tất nhiên vẫn có điểm khác biệt. Nếu như ở Đàng Ngoài, các nhà Nho chủ động hội nhập Tam giáo, “từ thế giới quan của Nho giáo để nhìn nhận Phật, Đạo”¹⁴, thì ở Đàng Trong các chúa Nguyễn lại đứng ở thế giới quan Phật giáo để thâm nạp Nho và Đạo. “Thích, Khổng, Lão cộng tín ngưỡng bình dân vốn có. Tuy nhiên, tư tưởng Phật giáo có phần trội hơn, trội về mặt tín ngưỡng chứ không phải về triết thuyết”¹⁵. Tam giáo nhưng Nho và Phật biểu hiện nổi trội hơn. Thông qua những chính sách của các chúa Nguyễn, Tam giáo nhanh chóng xâm nhập và bám rễ trong đời sống văn hóa - xã hội Đàng Trong. Dựa vào Tam giáo, các chúa Nguyễn chủ trương tạo dựng nền tư tưởng cho Đàng Trong. Tư tưởng “Cư Trần Lạc Đạo” của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử được lĩnh hội theo hướng “cư Nho mộ Thích” từ cuối thế kỷ XVII đã trở thành tôn chỉ giúp các chúa Nguyễn dẫn thân vào nhân gian, vận hành chính sự. Ở cõi trần vui với đạo là

phải biết ứng xử hợp lý mọi tình huống. Không bất ngờ khi chúa Nguyễn Phúc Chu (Hung Long Cư sĩ) đã tỏ ra tâm đắc với lý luận của Thích Đại Sán: “Việc trai giới của nhà vua, cần phải đem việc quốc gia trên dưới thanh lý chính tề, không một người nào chưa được yên sở, không một việc nào chưa được thỏa đáng, như thế mới gọi là viên mãn; Đạo của nhà vua là ở nơi trị quốc an dân. Đạo chỉ có một nhưng địa vị từng người khác nhau, nếu kẻ cai trị quốc gia, lơ bỏ tất cả chánh lệnh kỷ cương để cường cầu thanh tịnh, ấy là chẳng biết thanh tịnh vậy”¹⁶. Dễ nhận ra sự hỗn dung Tam giáo trong đường lối trị nước của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Biểu hiện trước hết qua danh xưng: Nguyễn Hoàng xưng là Chúa Tiên; Nguyễn Phúc Nguyên được người dân gọi là Chúa Sãi; Nguyễn Phúc Lan xưng là Chúa Thượng; Nguyễn Phúc Tần xưng là Chúa Hiền; Nguyễn Phúc Thái xưng là Chúa Nghĩa; Nguyễn Phúc Chu tự xưng là Quốc Chúa - hiệu Thiên Túng Đạo Nhân - Hung Long Cư sĩ; Nguyễn Phúc Chú tự xưng là Ninh Vương - hiệu Vân Tuyền Đạo nhân; Nguyễn Phúc Khoát tự xưng là Võ Vương - hiệu Tư Tế Đạo nhân - Cư sĩ Phật Tâm; Nguyễn Phúc Thuần tự xưng là Định Vương - hiệu Khánh Phủ Đạo nhân. Ở đây giữa tư tưởng hiền - nghĩa - văn - võ - vương thượng (của đạo Nho) đã được tiên - thần - đạo nhân (của Đạo giáo) thâm nhập vào trong con người của sãi - Phật - cư sĩ (của Phật giáo). Đặc biệt ở trường hợp chúa Nguyễn Phúc Chu và chúa Nguyễn Phúc Khoát, tinh thần Tam giáo đồng nguyên được biểu lộ rất cụ thể qua các danh xưng.

Thực tiễn lịch sử thúc đẩy chính quyền Đàng Trong thi hành chính sách hỗn dung các tôn giáo, tín ngưỡng dựa trên nền tảng Tam giáo. Bối cảnh phức tạp không thể lựa chọn Nho giáo bởi họ Nguyễn muốn tránh tiếng oán nghịch, bất đạo theo quan điểm Nho giáo. Trong khi đó, Đạo giáo với tư tưởng “vô vi” không giúp các chúa Nguyễn xây dựng được mô hình nhà nước quân chủ tập quyền. Mặt khác, các chúa Nguyễn cũng khó có thể hoàn thiện mô hình trị quốc theo tư duy Phật giáo. Lựa chọn phù hợp nhất chỉ có thể là sự kế thừa truyền thống Tam giáo đồng thời tích hợp với tín ngưỡng dân gian. Thực tế các chúa Nguyễn đã sớm đi theo sinh lộ này. Về hình thức, ngay Chúa Tiên Nguyễn Hoàng - vị chúa được giáo dưỡng trong môi trường Nho giáo Đàng Ngoài đồng thời rất tin sùng Đạo giáo đã chọn Phật giáo

làm tư tưởng chính thống trong đường lối trị nước. Thực chất Nguyễn Hoàng thể hiện sự chuyển đổi chính sách ưu tiên, hoán đổi trật tự Nho - Đạo - Phật sang mô hình Phật - Nho - Đạo. Khi vào trấn thủ Thuận Hóa, giai đoạn đầu Nguyễn Hoàng thiên về Đạo giáo, thích dùng Đạo sĩ nhưng về sau ông lại yểm trợ Phật giáo để được lòng dân, “để tụ khí thiêng, cho bền long mạch”¹⁷. Nguyễn Hoàng là người đầu tiên áp dụng thành công đường lối viên dung Tam giáo qua chùa Kính Thiên, đền thờ Trảo Trảo phu nhân và đặc biệt là chùa Thiên Mụ. Hóa thân của Bà Mẹ Xứ Sở (Thiên Mụ áo đỏ) thành Phật Bà - Bà Trời khai sinh Thiên Mụ tự làm nền tảng tư tưởng cho Phật giáo vùng Đàng Trong. Kế tục đường lối của Chúa Tiên, các chúa Nguyễn về sau tiếp tục dung hòa Tam giáo trong đường lối trị quốc. Hoàng Ngọc Vĩnh và Trần Như Ngọc nhận định: “Tam giáo đồng nguyên là hiện tượng phổ biến ở Việt Nam kể từ thế kỷ X, nhưng Cư Nho mộ Thích có thể nói là do chúa Nguyễn Phúc Chu khởi xướng trên nền tảng Tam giáo đồng nguyên ấy,... Cư Nho là phát triển Nho học, áp dụng những điểm tích cực của Nho giáo nhằm củng cố và phát triển bộ máy nhà nước. Mộ Thích là cư xử, ứng xử, quan hệ xã hội, quan hệ gia đình theo triết lý đạo đức Phật giáo, đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam”¹⁸. Thực tế không chỉ có “cư Nho mộ Thích”, trong đường lối của Nguyễn Phúc Chu nói riêng, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong nói chung, hai tôn giáo này đã được viên dung cùng Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Minh Vương Nguyễn Phúc Chu lấy đạo hiệu là Thiên Túng Đạo Nhân - một danh vị Đạo giáo, xiển dương Phật giáo, đồng thời rất quan tâm phát triển Nho giáo. Trường hợp trùng tu chùa Thiên Mụ năm 1714 là minh chứng cụ thể: “từ cổng vào là điện Thiên vương, điện Ngọc hoàng, điện Đại hung, nhà Thuyết pháp, lầu Tầng kinh, hai bên thì lầu chuông, lầu trống, điện Thập vương, nhà Vân thủy, nhà Tri vị, nhà Thiên đường, điện Đại bi, điện Dược sư”¹⁹. Ở đây, điện Ngọc hoàng, điện Thập vương được xây dựng để đảm nhiệm chức năng thiên về Đạo giáo nhiều hơn Phật giáo. Cách bố trí của chùa Thiên Mụ lúc này đã tạo ra một cụm kiến trúc khá độc đáo, hỗn hợp cả yếu tố Phật giáo và Đạo giáo. Các Đạo quán được nằm trong chùa Phật một cách hài hòa. Trên chiếc khánh chùa Thiên Mụ khắc hình những chòm tinh tú biểu hiện rất rõ sự tích hợp Đạo và Nho vào Phật. Sau một năm trùng hưng chùa Thiên Mụ (1715), Hưng Long Cư

sĩ cho dựng Văn Miếu ở Trấn Biên, cổ xúy Nho học vùng Nam Bộ ngày nay. Trước đó, năm 1692, tháng Giêng, chúa Nguyễn Phúc Chu cho sửa Văn Miếu Triều Sơn (nay thuộc Quảng Điền, Thừa Thiên): “Chúa từng ra Triều Sơn xem miếu, muốn mở rộng thêm nên sai sửa lại”²⁰. Chúa Nguyễn Phúc Chu thể hiện rất rõ tư tưởng Phật - Đạo qua bài thơ khóc vợ trong đó có những câu: “Kim bằng diệu pháp không vương lục - Tiểu bạt u hồn đạt thượng phương” (Nay nhờ phép màu của đức Phật - Tiếp dẫn linh hồn lên cõi tiên)²¹. “Rộng xem kinh sử”²², uyên Nho bác Đạo và tôn sùng Phật giáo, Minh Vương xây dựng và phát triển Đàng Trong theo tinh thần truyền thống Tam giáo đồng nguyên của người Việt. Bài minh khắc trên bia chùa Thiên Mụ năm 1714 thể hiện cơ bản tư tưởng trị quốc của Nguyễn Phúc Chu nói riêng và các chúa Nguyễn nói chung: “Ôm tính thiện để làm tông, lấy lòng lành mà xử sự. Cư Nho, mộ Thích, chính trị chẳng thể không làm nhân. Tin Đạo, trọng tăng, góp nhân quả mà nghĩ đều trông phúc. Đất nước phải thái bình, thân tâm an lạc”²³. Chính sách viên dung Tam giáo của các chúa Nguyễn đã tạo điều kiện cho Tam giáo thấm nhuần vào tín ngưỡng dân gian, hướng con người tin theo duyên kiếp, chính đạo, cương thường và dân tộc.

Xác lập mô hình nhà nước theo Nho giáo đồng thời lấy Phật và Lão làm nền tảng tư tưởng nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng chính trị sẽ không giảm tính tập quyền, thần quyền hóa vương quyền của các chúa Nguyễn. Có thể nhận ra điều này qua trường hợp chúa Nguyễn Phúc Khoát. Rất quyết tâm phát triển tư tưởng và xây dựng vương quyền theo mô hình Nho giáo, song Võ Vương vẫn cho bố trí cả am tu Phật và điện thờ Đạo giáo khi tu sửa kinh đô: “Dựng hai điện Kim Hoa, Quang Hoa, ba gác Dao Trì, Triều Dương, Quang Thiên và các đường (nhà) Tụ Lao, Chính Quan, Trung Hòa, Di Nhiên, cùng là đài Sườn Xuân, đình Thụy Vân, hiên Đồng Lạc, am Nội Viện, đình Giáng Hương. Ở thượng lưu sông Hương lại có phủ Dương Xuân, điện Trường Lạc, hiên Duyệt Võ”²⁴. Một vài chúa Nguyễn xiển dương Phật giáo mạnh hơn, nhưng các ngôi chùa công tại Đàng Trong đồng thời đóng vai trò là nơi thực hiện nghi lễ Đạo giáo và Nho giáo khi được phối thờ cả Quan Công, Tiên Ông, Ngọc Đế,... Chẳng hạn, ở chùa Thiên Tôn (Thiên Tôn): Ngôi chùa công này được nhiều chúa Nguyễn

trùng tu, ban sắc tứ. Thiên Tôn là một thuật ngữ Đạo giáo để biểu thị những thần cao quý nhất theo tôn giáo này²⁵. Một trường hợp khác, khi nghiên cứu lịch sử chùa Quốc Ân ở Huế, L. Cadière cho biết một chi tiết: “Chùa này xây dựng vào cuối thế kỷ XVII sau chùa Thiên Mụ gọi là “Tháp Đức Không” là chùa xưa nhất của đạo Phật trong vùng lân cận Huế”²⁶. Đặc biệt, một số chùa công và Văn Miếu theo chủ đích của các chúa Nguyễn được dựng lên trên vị trí huyệt đạo hợp phong thủy để trấn yểm “tà đạo” và khai thông “long mạch” nhằm bảo trợ cuộc sống an lạc của dân chúng Đàng Trong.

Chính sách dung hòa Tam giáo còn biểu hiện rõ trong hệ thống quản lý nhà nước. Đàng Trong có những cơ quan chuyên trách quản lý Tam giáo từ cấp trung ương xuống phủ huyện ở Đàng Trong, như: “Ty Tãng lục, Ty Nội pháp, Ty Huyền pháp, Ty Đạo lục, Ty Tứ quý, Ty Lương y, Ty Tượng y”²⁷. Làm việc trong những cơ quan này là các Tăng lục, Huấn đạo, Giáo quan. Kết quả thống kê của tác giả có được từ *Phủ Biên Tạp Lục*, *Nam Triều Công Nghiệp Điển Chí*, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, *Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên* và *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên* cho thấy trong tổng số 69 lần các chúa Nguyễn ban hành chính sách đối với Tam giáo thì trong đó có Phật giáo 17 lần (chiếm 24.6%), Nho giáo 43 lần (chiếm 54.8%) và Đạo giáo 17 lần (chiếm 20.6%). Đặc biệt vào những năm 1667, 1673, 1675, 1687, 1689, 1692, 1695, 1714, 1715, 1721, Phủ Chúa đã đưa ra chính sách gần như đồng thời với cả ba tôn giáo để giải quyết một vấn đề nảy sinh. Mặc dù một số vị chúa đặc biệt xiển dương Phật giáo, song chưa lúc nào Phật giáo hoàn toàn đóng vai trò khuyh lột trong lịch sử phát triển Đàng Trong, triệt tiêu hay phủ định các luồng tư tưởng khác. Bên cạnh đó, Nho giáo và Đạo giáo cũng không có thời điểm nào được độc tôn. Chuẩn mực về Trung, Hiếu, Nhân, Nghĩa của Nho giáo kết hợp với quan niệm Phúc - Họa, tin theo bùa chú ở Đạo giáo được bảo trợ thêm bởi lý thuyết Duyên - Kiếp, Nhân - Quả, luân hồi của Phật giáo đã củng cố, tạo nên nền tảng tư tưởng, tôn giáo phong phú, hài hòa ở Đàng Trong.

Không xảy ra chiến tranh, xung đột tôn giáo, ngược lại bằng chính sách cụ thể, các chúa Nguyễn đã tạo ra một bức tranh tôn giáo hết sức đa dạng ở Đàng Trong. Trên tinh thần đó, từ các vị vương giả cho đến

dân thường đều tỏ ra dễ dàng tiếp nhận và dung hòa đối với các tôn giáo. Đặc biệt là các vị chúa được tôn làm Bồ Tát như Minh Vương Nguyễn Phúc Chu đã ký tên “Quốc chủ Thiên Túng đạo nhân” trên tấm biển “Sắc tứ Vạn An tự” (Sắc trong sắc phong, sắc chỉ); Ninh Vương Nguyễn Phúc Chú tự xưng là “Quốc chủ Vân Tuyền đạo nhân” trên tấm biển “Sắc tứ Hộ Quốc tự” ở Trấn Biên; Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát xưng là “Quốc chủ Từ Tế đạo nhân” trên tấm biển “Sắc tứ Quy Tôn tự”²⁸ ban cho chùa Quy Tôn ở Khánh Hòa để đảm bảo quyền tối thượng của một ông vua đồng thời là một “giáo chủ”. Hành động công khai khẳng định Phật thổ cũng chính là hành động xác nhận vương thổ, khẳng định lãnh thổ quốc gia. Việc xác định cơ cấu quyền lực chính trị - tôn giáo kiểu này không không mâu thuẫn với mô hình tổ chức nhà nước đương thời ở các vương quốc vùng Đông Nam Á. Lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng “chính thống” trong việc xây dựng thiết chế nhà nước theo hướng quan liêu hóa nhưng không chủ trương độc tôn Nho giáo trong việc tạo dựng nền tảng tinh thần xã hội Đàng Trong. Các chúa Nguyễn đã thực hiện chính sách viên dung tôn giáo để thiết lập chính quyền và xây dựng thiết chế văn hóa - xã hội. Chính điều này đã tạo nên tính “mở” cao, tạo nên bản sắc riêng thúc đẩy sự phát triển văn hóa Đàng Trong. Nhìn tổng thể, “một nét đặc điểm rất đáng được lưu tâm là Phật giáo Đàng Trong tồn tại và phát triển trong một tinh thần viên dung tam giáo Phật - Lão - Nho và các tín ngưỡng dân gian Việt, Hoa, Chăm, Khmer”²⁹. Dựa vào bản chất giáo lý cũng như cách thức truyền bá giáo lý Phật giáo và Đạo giáo, không lấy sự kỳ thị và cưỡng chế làm cứu cánh mà lấy hòa đồng làm cơ sở tạo mối quan hệ cộng hưởng lẫn nhau, các chúa Nguyễn hóa giải được nhiều xung đột, tạo dựng nền tảng tinh thần vững chắc, đảm bảo sự tồn tại của Đàng Trong.

3. Kết luận

Các chúa Nguyễn thực thi chính sách viên dung Tam giáo hơn hai thế kỷ, đã tạo môi sinh cho Phật - Nho - Đạo hấp dẫn lẫn nhau, hoán cải và ảnh hưởng, thâm nhập lẫn nhau một cách tự nhiên với tín ngưỡng dân gian. Trên tinh thần hỗn dung, chính quyền Đàng Trong đã phát huy được yếu tố tích cực của Tam giáo. Tư duy của những người đi mở cõi đã định hình chính sách tiếp thu Tam giáo một cách

phóng khoáng. Chính đường lối đó đã đưa đến mô hình kiến quốc theo cấu trúc “đất vua - chùa làng - phong cảnh Bụt”, tạo cuộc sống an lạc cho dân Đàng Trong. Các chúa Nguyễn tỏ ra biết vận dụng linh hoạt những nội dung của Tam giáo làm nền tảng tư tưởng xây dựng và duy trì chế độ. Trên nền tảng Tam giáo, các chúa Nguyễn tạo nên một cơ cấu xã hội Đàng Trong năng động. Đường lối viên dung tôn giáo thực sự tạo ra một môi trường thuận lợi cho Tam giáo hội nhập sâu hơn vào đời sống văn hóa - xã hội các cộng đồng cư dân. Kết quả của chính sách này đã đáp ứng nhu cầu tâm linh của một bộ phận không nhỏ người Đàng Trong, góp phần không nhỏ trong quá trình xác lập, duy trì và phát triển Đàng Trong suốt hai thế kỷ, hơn thế, còn tạo điều kiện để Việt Nam phát triển những giai đoạn tiếp sau./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Tạ Chí Đại Trường (1988), *Thần - Người và đất Việt*, Nxb. Văn nghệ, Hà Nội: 219.
- 2 Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 721.
- 3 Alexander de Rhodes (1994), *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài*, Nxb. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh: 38 - 48.
- 4 Quốc sử quán triều Nguyễn (1996), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 132.
- 5 Trịnh Hoài Đức (2004), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 215.
- 6 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 91.
- 7 G. Condominas (2003), “Tôn giáo Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2: 32.
- 8 Quang Đạm (chủ biên, 1994), *Nho giáo xưa và nay*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội: 42.
- 9 Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2011), *Tham luận Hội thảo khoa học: Chúa - Bồ tát Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725) và sự nghiệp mở mang bờ cõi, phát triển đất nước*, Ban Tổ chức Hội thảo ân hành, Tp. Hồ Chí Minh: 291.
- 10 Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Harvard - Yenching (2007), *Nho giáo ở Việt Nam (Kỷ yếu hội thảo quốc tế)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 121.
- 11 Lê Quý Đôn (1977), *Lê Quý Đôn toàn tập, tập IV, Kiến văn tiểu lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 364-366.
- 12 Trịnh Hoài Đức (2004), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 75-76.
- 13 Nhà xuất bản Tp. Hồ Chí Minh (2002), *Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định – Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh*, Tp. Hồ Chí Minh: 347.
- 14 Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Harvard - Yenching (2007), *Nho giáo ở Việt Nam (Kỷ yếu hội thảo quốc tế)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 126.
- 15 Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh: 85.

- 16 Thích Đại Sán (1993), *Hải ngoại ký sự*, (Bản dịch của Viện Đại học Huế - Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam), Nxb. Thuận Hóa, Huế: 100 - 260.
- 17 Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 35.
- 18 Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2011), *Tham luận Hội thảo khoa học: Chúa - Bồ tát Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725) và sự nghiệp mở mang bờ cõi, phát triển đất nước*, Ban Tổ chức Hội thảo ân hành, Tp. Hồ Chí Minh: 449.
- 19 Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 130
- 20 Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, Sđd: 106.
- 21 Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, Sđd: 135.
- 22 Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, Sđd: 133.
- 23 Thích Đại Sán (1993), *Hải ngoại ký sự*, (Bản dịch của Viện Đại học Huế - Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam), Nxb. Thuận Hóa, Huế: 260
- 24 Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, Sđd: 158.
- 25 Các vị thánh tiên Đạo giáo có tên riêng kèm theo hai từ này, chẳng hạn: Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thượng Thanh Linh Bảo Thiên Tôn, Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn, Ất Cửu Khô Thiên Tôn,... Thường trong dân gian, tượng các vị thánh tiên Đạo giáo được gọi là “tượng Thiên Tôn”. Đàng Trong thời kỳ này có một ngôi chùa mang tên “Thiên Tôn”. “Chùa Thiên Tôn (hay còn gọi là chùa Thiên Tôn) thờ Ngọc hoàng thượng đế, một vị thần cao nhất của Đạo giáo Việt Nam.
- 26 Nhà xuất bản Thuận Hóa (1997), *Những người bạn Cổ đô Huế*, tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 160.
- 27 Lê Quý Đôn (1977), *Lê Quý Đôn toàn tập, tập 1, Phụ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 113.
- 28 Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 89.
- 29 Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2011), *Tham luận Hội thảo khoa học: Chúa - Bồ tát Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725) và sự nghiệp mở mang bờ cõi, phát triển đất nước*, Ban tổ chức Hội thảo ân hành, Tp. Hồ Chí Minh: 205.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Quang Đạm (chủ biên, 1994), *Nho giáo xưa và nay*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
3. Lê Quý Đôn (1977), *Lê Quý Đôn toàn tập, tập 1, Phụ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lê Quý Đôn (1977), *Lê Quý Đôn toàn tập, tập 4, Kiến văn tiểu lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Trịnh Hoài Đức (2004), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

6. Nhà xuất bản Tp. Hồ Chí Minh (2002), *Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (1996), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Tạ Chí Đại Trường (1988), *Thần - Người và đất Việt*, Nxb. Văn nghệ, Hà Nội.
11. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (2011), *Tham luận Hội thảo khoa học: Chúa - Bồ tát Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725) và sự nghiệp mở mang bờ cõi, phát triển đất nước*, Ban Tổ chức Hội thảo ân hành, Tp. Hồ Chí Minh.
12. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Harvard - Yenching (2007), *Nho giáo ở Việt Nam (Ký yếu hội thảo quốc tế)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Alexander de Rhodes (1994), *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài*, Nxb. Ủy ban đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
14. G. Condominas (2003), "Tôn giáo Việt Nam", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
15. Thích Đại Sán (1993), *Hải ngoại ký sự*, (Bản dịch của Viện Đại học Huế - Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam), Nxb. Thuận Hóa, Huế.

Abstract

POLICIES OF ABSORBING AND HARMONIZING THE THREE RELIGIONS OF THE NGUYEN LORD IN THE COCHINCHINA DURING THE 17th - 18th CENTURIES

Three religions (Confucianism - Buddhism - Taoism) accompanied with the opening of the Southern realm and almost influenced all aspects of social life in the Cochinchina in the 17- 18th centuries). The Cochinchina government's guidelines on absorbing and changing the three religions were implemented by the specific policies with a spirit of harmony and tolerance. A long with the promotion of Confucianism, the Nguyen lords also promoted Buddhism and Taoism. The policy of absorbing and harmonizing the three religions produced a Southern culture with diversity.

Keywords: Absorb, harmony, Confucianism, Buddhism, Taoism, religion, Nguyen Lord.